

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/DS- PT
Ngày 21/8/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN: Bà Thân Thanh Huyền,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23/7 và ngày 21/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLPT- DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lương T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2020/QĐ- PT ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đông H, thị trấn T, huyện Lương T, tỉnh BN.

* Bị đơn: Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân D, thị trấn T, huyện Lương T, tỉnh BN.

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Nguyên đơn là Anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và Bà Đỗ Thị G là chỗ quen biết từ trước. Do bà Giang cần tiền để làm ăn, buôn bán nên bà Giang đã hỏi vay tiền anh và anh đã đồng ý. Ngày 10/6/2017, anh cho bà Giang vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay giữa hai bên có viết giấy biên nhận và bà Giang là người trực tiếp ký vào giấy biên nhận. Trong giấy biên nhận giữa anh và bà Giang có thỏa thuận thời

hạn trả nợ là 04 tháng kể từ ngày 10/6/2017 đến ngày 10/10/2017, hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy biên nhận nhưng có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1%/tháng. Khi đến thời hạn trả nợ bà Giang không trả như thỏa thuận, anh đã đòi nhiều lần xong bà Giang vẫn không trả. Do đó, anh khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Giang trả anh số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0,8%/tháng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi anh yêu cầu bà Giang trả là 365.280.000 đồng.

Bị đơn là Bà Đỗ Thị G trình bày: Bà và Anh L là chỗ quen biết và cũng làm ăn kinh tế với nhau đã lâu. Giữa bà và Anh L đã nhiều lần vay tiền từ năm 2014 đến khi xảy ra tranh chấp. Giữa bà và Anh L khi ký hợp đồng vay tiền với nhau thì có thỏa thuận miệng là mỗi khoản vay từ 50.000.000 đồng trở lên thì bà phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh L thì Anh L mới cho bà vay tiền, đến khi nào bà thanh toán hết số nợ gốc và lãi thì Anh L sẽ trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà xác định đến ngày 06/11/2017, giữa bà và Anh L đã thanh toán xong hết các khoản nợ và Anh L đã trả cho bà toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận. Từ sau ngày 06/11/2017 đến nay, bà và Anh L không có bất cứ một hợp đồng vay tiền nào nữa. Nay Anh L khởi kiện yêu cầu bà trả cho Anh L số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi là 65.280.000 đồng bà không đồng ý. Bởi bà không còn nợ Anh L bất cứ khoản tiền nào. Đối với giấy biên nhận vay nợ mà Anh L nộp tại Tòa án để khởi kiện bà đó là do bà sơ suất khi trả cho Anh L bà không lấy lại giấy biên nhận này nên Anh L lấy giấy biên nhận này để khởi kiện bà và lấy tiền của bà lần hai. Việc bà trả nợ cho Anh L đến nay bà không có căn cứ gì chứng minh mà chỉ có lời trình bày.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 259, Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn L. Buộc chị Đỗ Thị Giang có nghĩa vụ trả nợ cho Anh Nguyễn Văn L số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và 65.280.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 365.280.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2020, Bà Đỗ Thị G kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày, trAnh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bà Đỗ Thị G trình bày, trAnh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần trAnh L tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bà Đỗ Thị G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy:

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Giang nộp trong hạn luật định, bà Giang đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do vậy, kháng cáo của bà Giang được xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Giữa Anh L và bà Giang có mối quan hệ quen biết và làm ăn kinh tế với nhau từ lâu. Do đó, khi bà Giang cần tiền để làm ăn đã hỏi vay Anh L và Anh L đã đồng ý cho bà Giang vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 06/11/2017. Khi cho bà Giang vay tiền giữa Anh L và bà Giang có viết giấy biên nhận. Nội dung giấy biên nhận có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận lãi suất. Việc bà Giang cho rằng khi vay tiền Anh L từ 50.000.000đ trở lên thì bà phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh L đến khi nào bà trả hết tiền cho Anh L thì Anh L trả lại bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do khoản vay ngày 06/11/2017 bà đã trả xong cho Anh L nhưng do chủ quan và tin tưởng Anh L nên bà không lấy lại giấy biên nhận vay tiền gốc. Tuy nhiên, bà Giang không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Phía Anh L đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh là giấy biên nhận bản gốc có chữ ký của bà Giang. Do đó, bản án sơ thẩm xử buộc bà Giang phải trả Anh L số tiền gốc là 300.000.000 đồng là có căn cứ. Tại giấy biên nhận vay tiền giữa hai bên không ghi lãi suất trong giấy biên nhận nhưng có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Anh L yêu cầu bà Giang trả cho anh lãi suất là 0,8%/ tháng của số tiền gốc 300.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đề nghị này của Anh L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do bà Giang đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/10/2017 đến khi xét xử sơ thẩm là 27 tháng 06 ngày nên Tòa án cấp sơ thẩm đã

buộc bà Giang trả Anh L số tiền lãi là 65.280.000 đồng là có căn cứ và đúng với các quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bà Giang thì thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà Giang vẫn kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Giang không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/7/2020, bà Giang trình bày: Vào tháng 10, tháng 11 năm 2017 bà đã trả Anh L toàn bộ số tiền 300.000.000đ vào tài khoản của chị Quyên vợ Anh L thông qua tài khoản của chị Trịnh Thị Hằng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh BN. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để đi xác minh tại ngân hàng theo lời trình bày của bà Giang. Theo tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là sao kê chi tiết giao dịch số tài khoản 10100020280 mang tên Trịnh Thị Hằng trong tháng 10 và tháng 11 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh BN cung cấp thì không có giao dịch nào có số tiền như bà Giang trình bày. Vì thế lời trình bày của bà Giang là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Giang không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác nào chứng minh cho đề nghị của mình. Đồng thời, bà Giang lúc trình bày đã trả hết nợ cho Anh L nhưng quên lấy giấy biên nhận về, lúc trình bày đã trả số tiền vay Anh L qua tài khoản của vợ Anh L. Tuy nhiên, những lời trình bày của bà Giang đều không có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà Giang nên cần bác toàn bộ kháng cáo của bà Giang và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Tuy nhiên, việc bản án tuyên lãi suất chậm trả không theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, do đó, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Án phí: Do kháng cáo của bà Giang không được chấp nhận nên bà Giang phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 259; Điều 264; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn L.

Buộc Bà Đỗ Thị G có nghĩa vụ trả nợ cho Anh Nguyễn Văn L số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và 65.280.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 365.280.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn Luân không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Anh Nguyễn Văn L 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001297 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương T.

Bà Đỗ Thị G phải chịu 18.264.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2017/0001599 ngày 31/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện Lương T;
- Chi cục THADS huyện Lương T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình